

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

**NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỒNG BÀO
CÔNG GIÁO YÊU NƯỚC TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

NGÔ QUỐC ĐÔNG (*)

1. Đặt vấn đề

Lịch sử hơn 400 năm qua đặc biệt trong 100 năm trở lại đây cho đến trước ngày Cách mạng tháng Tám, Giáo hội Công giáo và giáo dân Việt Nam luôn khắc khoải trong lòng những “trăn trở”. Trong lịch sử, trước âm mưu của thực dân, Giáo hội lúc này, lúc khác đã không hoà nhập với lợi ích dân tộc. Đây là lí do căn bản cho một tình trạng mà Nguyễn Tử Lộc đã nhận xét từ trước những năm 70 của thế kỉ XX: “Trong toàn thể dân tộc, người Công giáo sống như người ngoại quốc đối với đồng bào mình”⁽¹⁾.

Nhưng Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ đã thức tỉnh bầu nhiệt huyết và hào khí dân tộc trong lòng mỗi người dân Việt Nam, trong đó có đồng bào Công giáo. Nếu nói lịch sử du nhập Công giáo Việt Nam mấy trăm năm qua mắc phải sự nghi kị của dân tộc về việc dính líu tới thực dân, thì đây chính là cơ hội mà những người Công giáo Việt Nam chờ đợi từ lâu để có một lời giải thích đầy đủ với dân tộc. Không cần những lời lẽ giải thích về câu chuyện của quá khứ, chính sự tham gia của đông đảo quần chúng Công giáo vào phong trào cách mạng và sự ủng hộ đối với nền Độc lập Việt Nam sau mùa Thu năm 1945 đã nói lên tất cả.

Tuy nhiên, sự chuyển biến của tư tưởng mà biểu hiện ra là những hành động ủng hộ Cách mạng, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của những người Công giáo sau sự tĩnh lặng mấy trăm năm qua không phải ngẫu nhiên mà có, nhất là với một Giáo hội vốn lệ thuộc quá nhiều vào hàng giáo sĩ nước ngoài, và đặt trong một bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp.

Cơ sở nào để có sự chuyển biến ấy? Hay nói cách khác, những điều kiện căn bản nào để cho đông đảo người Công giáo Việt Nam ủng hộ Cách mạng tháng Tám và Chính phủ Việt Minh do Hồ Chí Minh lãnh đạo? Câu hỏi này ít nhiều đã được một số tác giả nghiên cứu lí giải⁽²⁾, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy rằng, phân tích để làm sáng tỏ hơn vấn đề đã nêu là hết sức

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Một số vấn đề lịch sử đặt cho người Công giáo Việt Nam, Công giáo và Dân tộc phát hành, Paris, 1970, tr. 6.

2. Nghiên cứu về Công giáo trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã có một số bài điển hình như: *Người Việt Nam Công giáo với cách mạng mùa Thu 1945*, đăng trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 57, tháng 9 năm 1999; *Người Công giáo Việt Nam trong những tháng đầu sau Cách mạng tháng Tám*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 năm 2002; *Tôn giáo và Cách mạng*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 năm 2003. Gần đây là một số bài công bố sử liệu đăng trên tuần báo *Công giáo và dân tộc*.

cần thiết. Bài viết này hướng vào *phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến sự tham gia tích cực của đông đảo người Công giáo Việt Nam trong phong trào Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

2. Những nhân tố tác động tới hoạt động yêu nước của người Công giáo Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

2.1. *Lãnh đạo cuộc Cách mạng đã có một đường lối đoàn kết rộng rãi các lực lượng chính trị, không phân biệt những người có tôn giáo và không tôn giáo*

* *Thứ nhất*, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối cách mạng đúng đắn đã xác định rõ được quần chúng Công giáo cũng là một “*lực lượng cách mạng*” và không bị xem là “*đối tượng cách mạng*”. Điều này chỉ được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh giải quyết trọn vẹn⁽³⁾.

Để thấy rõ sự vượt lên về quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo so với các bậc tiền nhân trong việc xác định tôn giáo, mà cụ thể là người Công giáo, là “*một lực lượng của cách mạng và kháng chiến*” chúng ta có thể trở về một số văn bản gốc của Hồ Chí Minh viết trong giai đoạn này. Trong thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Hồ Chí Minh viết: “... Trong Việt Minh, đồng bào ta bắt tay nhau chặt không phân biệt trai gái, già trẻ, lương giáo, giàu nghèo”⁽⁴⁾. Trong lời kêu gọi đoàn kết toàn dân chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh viết: “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”⁽⁵⁾.

Vấn đề trên là hiển nhiên, vì một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh là tư tưởng đại đoàn kết dân tộc.

Phải nói rằng *việc xác định quần chúng giáo dân là lực lượng chính trị cần thu hút* và kêu gọi trong khởi nghĩa cũng như trong kháng chiến giai đoạn 1945-1954 là điều gì đó rất mới mẻ và khác thường ở Việt Nam. Bởi đây là thời kì Giáo hoàng Pio XI và Pio XII coi chống cộng sản là một “*tín điều*” trong Giáo hội Công giáo. Điều này lại càng quan trọng hơn khi đặt Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ với bối cảnh ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Quốc và đối chiếu với Việt Nam trong cách ứng xử của những nước này với Công giáo⁽⁶⁾.

3. Trước Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu là người sớm lí giải cho người Công giáo thấy được Kính Chúa phải gắn với Yêu nước, nhưng Phan Bội Châu mới chỉ xếp người Công giáo vào diện “*mười hạng đồng tâm*”. Còn nhà Nguyễn, nhất là thời vua Minh Mạng trị vì, hầu như Công giáo bị xem như là một “*đối tượng*” quan tâm đặc biệt của nhà cầm quyền phong kiến lúc đó. Trong 21 năm trị vì (1820-1840), Minh Mạng đã ra 6 chỉ dụ cấm đạo vào các năm 1825, 1826, 1833, 1836, 1838, 1839.

4. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd., tr. 149.

5. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd., tr. 149.

6. Đến tận năm 1951, trong Thông Điệp sứ giả Phúc Âm, Giáo hoàng Pio XII còn tái khẳng định lên án chủ nghĩa Cộng sản. Trong khi đó, những quan điểm *tả khuynh* trong vấn đề tôn giáo của Stalin và Quốc tế Cộng sản (1919 - 1943) vẫn còn ảnh hưởng mạnh trong các Đảng Cộng sản ở Phương Đông. Ở Trung Quốc, sau khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời tháng 10 năm 1949, những người Cộng sản chủ trương Giáo hội Công giáo Trung Quốc hãy “*cắt đứt*” quan hệ với Toà thánh Roma. Và ở Trung Quốc xuất hiện tình trạng hai giáo hội: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ít nhiều những quan điểm trên cũng có tác động ảnh hưởng ở một số địa phương Việt Nam. Xem thêm: Đỗ Quang Hưng. *Cách mạng và Tôn giáo*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 năm 2003, tr. 7-8; và *Công giáo ở Liên Xô* (Lê Cường dịch), Nxb. Thông tấn xã Nôvôxti, 1984.

Việc không tách quần chúng giáo dân ra khỏi trào lưu cách mạng giúp xoá nhòa mặc cảm của đông đảo tín đồ Công giáo về những quá khứ lịch sử không tốt đẹp với dân tộc, để hăng hái tham gia ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Chính phủ Việt Minh. Sử liệu còn ghi: “Ngay đêm trước của cuộc cách mạng tại căn cứ Việt Bắc, khai mạc Quốc dân Đại hội Tân Trào, người ta thấy, trong 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, đại biểu từ Bắc, Trung, Nam có cả đại biểu các dân tộc và tôn giáo”⁽⁷⁾.

Hoá ra việc thừa nhận và “*bình thường hoá*” quần chúng Công giáo phải đến nhãn quan của những người mác-xít mới chính thức được đặt thành vấn đề. Thực ra, vượt lên trên sự thừa nhận Công giáo là một lực lượng chính trị trong chiến lược cố kết sức mạnh toàn dân thì đó còn là một sự “*cởi gỡ*” tâm lý cho người Công giáo nói chung. Và điều quan trọng là trong con mắt của những người cách mạng - lực lượng tiến bộ nhất, là đại diện duy nhất cho quyền lợi dân tộc - thì những người Công giáo không bị xem là những “*người ngoài lề của dân tộc*” như những định kiến nặng nề trước đây. Người Công giáo được thừa nhận về “*giá trị dân tộc*” và được hoà trộn trong trào lưu chung của cuộc cách mạng dân tộc đang trỗi dậy mạnh mẽ. Chính Hồ Chí Minh đã vượt lên trên tâm các nhà yêu nước đương thời trong vấn đề này.

Bên cạnh đó cũng cần nhấn mạnh *tính dân tộc* của cuộc Cách mạng đã thổi bùng hào khí dân tộc trong mỗi người dân Việt Nam, trong đó có đông đảo đồng bào Công giáo. Sức hấp dẫn tự thân và chính nghĩa của cuộc Cách mạng được đặt trong biểu

tượng Hồ Chí Minh vốn được toàn dân mến mộ, đã làm cho không ít giám mục và giáo hữu Việt Nam lúc đó không ngại ngần tham gia ủng hộ Cách mạng, ủng hộ Độc lập nước nhà.

* *Thứ hai: Chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm khẳng định và tôn trọng nhu cầu “tôn giáo” chính đáng của người Công giáo.*

Với Công giáo đến thời điểm năm 1945, có hai vấn đề hết sức nhạy cảm mà giải quyết không hề đơn giản, đó là: *Xoá bỏ cách nhìn định kiến kì thị và đảm bảo nhu cầu tôn giáo chính đáng của Công giáo*⁽⁸⁾.

Ở trên chúng tôi đã phân tích ý thứ nhất, ý thứ hai được đặt ra để phân tích tiếp về nhu cầu tôn giáo chính đáng của người Công giáo. Nhu cầu này lúc đó được hiểu là gì?

Thời điểm Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã có 15 năm lãnh đạo thì có thể trả lời ngay rằng nhu cầu tôn giáo chính đáng của người Công giáo Việt Nam là *tự do tín ngưỡng*.

Với quan điểm hiện nay nhìn lại thì luận đề Cộng sản tiêu diệt tôn giáo đã cũ và nhàm chán, vì thực tế sự tương thích giữa đôi bên qua thực tiễn lịch sử theo chiều hướng tích cực đã phủ định tất cả. Nhưng ở thời điểm hơn 60 năm về trước thì luận điểm trên không khỏi gây hoang mang và xao động với Công giáo Việt Nam, nhất là khi nó được tuyên truyền một cách bài bản hấp dẫn bởi hàng giáo phẩm đa phần là người ngoại quốc và sự lợi

7. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 -1960*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr .19.

8. Xem: Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 150, 06/2007, tr. 113-137 và Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9/2007, tr. 30.

dụng Công giáo cho mưu đồ chính trị một cách khôn ngoan của thực dân Pháp⁽⁹⁾.

Chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được khẳng định ngay từ khi Đảng mới ra đời. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã đề ra chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng về vấn đề thành lập “Hội phản đế đồng minh”, có đoạn nói rõ: “*Bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo*”⁽¹⁰⁾.

Khi “nhu cầu tôn giáo” được đặt thành vấn đề nghiêm trọng, thì người Công giáo cũng thận trọng xem xét nó. Mặt khác, những người cách mạng (Cộng sản) tập hợp lực lượng Công giáo vào mặt trận toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền luôn luôn được xem xét trong một điều kiện cực kì tiêu biểu của người Công giáo là “*có được tự do tôn giáo không?*” Sự việc này có lẽ được bắt đầu từ chính sách của Mặt trận Việt Minh. Chương trình Việt Minh ghi rõ: “... Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng...”⁽¹¹⁾. Sau này Nguyễn Đình Đầu nhớ lại: “Tôi còn nhớ ngay từ mùa hè năm 1942, nhân dịp cấm phòng của các đại biểu Thanh Lao Công Bắc Kỳ, anh Nguyễn Mạnh Hà kéo tôi ra một chỗ cùng nghiên cứu bản “chủ trương và chương trình của Việt Minh” in bằng thạch bản, gấp lại như cuốn lịch bỏ túi. Chúng tôi đặc biệt chú ý những điều khoản liên quan tới tự do - tín ngưỡng và các thứ tự do khác nhau. Chúng tôi không thấy một câu hay một một chữ nào tỏ ra “Cộng sản tiêu diệt tôn giáo” như người ra vắn sang tai nhau”⁽¹²⁾.

Từ khi Công giáo du nhập vào Việt Nam năm 1533 cho đến khi xuất hiện bốn chữ “tín ngưỡng tự do” của những người Cộng sản là một quá trình nhận thức dài của lịch sử. Đến thời Tự Đức Công giáo mới được nhìn nhận như một tôn giáo⁽¹³⁾. Nhưng rồi nhà Nguyễn nhanh chóng mất quyền quản lí đất nước, hơn nữa Công giáo lại bị định kiến nặng nề trong phong trào Văn thân với khẩu hiệu “*Bình Tây, Sát Tả*”. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo phong trào Cách mạng, Công giáo được thừa nhận là một tôn giáo.

Một tuyên bố khẳng định tự do tín ngưỡng của những người Cộng sản được nhiều người nhắc đến chính là ở phiên họp của Hội đồng Chính phủ ngày 3-9-1945. Trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ở vấn đề thứ sáu Hồ Chí Minh đã viết: “... Tôi đề nghị Chính phủ ra tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”⁽¹⁴⁾.

9. Chúng ta phải đặt vấn đề trong bối cảnh lịch sử lúc đó: Từ cuối những năm 1920 và đặc biệt trong những năm 1930, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam đã coi việc truyền bá Chủ nghĩa Cộng sản vào Việt Nam như một hiểm họa cho sự phát triển của Giáo hội. Ở Việt Nam tuyên truyền chống Chủ nghĩa Cộng sản diễn ra từ những năm 1930 - 1931, sau phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và đặc biệt sau thông điệp Divini Redemptoris của Giáo hoàng Pío XI về Chủ nghĩa Cộng sản vô thần năm 1937. Xem: Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 17, tháng 5 năm 1996.

10. Dẫn theo: Nguyễn Văn Đông, *Tìm hiểu chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đạo Thiên Chúa*. Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1988, tr. 9.

11. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd., tr. 130.

12. Tạp chí *Đúng Đây*, số 71, xuất bản tại Miền Nam, năm 1975, tr. 44.

13. Nguyễn Hồng Dương. *Nhà nước ta với Công giáo*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* số 5 năm 2002, tr. 26.

14. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo...*, Sđd., tr. 134.

Tuy nhiên, do những diễn biến phức tạp của lịch sử “tự do tín ngưỡng” cho người Công giáo không phải được tất cả giới Công giáo tin tưởng và thừa nhận ở thời điểm lúc đó⁽¹⁵⁾.

Trên hoạt động thực tế việc *thực thi* quyền tự do tín ngưỡng với người Công giáo ở thời điểm Cách mạng tháng Tám và những ngày đầu độc lập thì sao? Người ta dễ dàng nhận thấy trong Chính phủ lâm thời và các giai đoạn tiếp theo đã sớm có mặt những nhân vật Công giáo nổi tiếng như Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Tụng, Nguyễn Thành Vĩnh cho đến Ngô Tử Hạ, Thái Văn Lung, Phạm Bá Trực, Nguyễn Bá Luật, v.v... nếu không kể đến hai nhân vật đặc biệt là Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn, hai vị Giám mục cố vấn tối cao của Chính phủ. Sự thực thi này được hiểu là *độc lập* và *tự do* mà nhân dân Việt Nam đã hi sinh tất cả để giành được, một khi đã có, thì cũng có cho tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo và không tôn giáo, mọi công dân đều bình đẳng.

Như vậy, một trong những cơ sở để khẳng định cuộc Cách mạng mùa Thu năm 1945 có sức hút lớn đối với người Công giáo Việt Nam là *những người Cộng sản lãnh đạo cách mạng đã có một đường lối đoàn kết rộng rãi các lực lượng chính trị trong một mặt trận thống nhất để giành chính quyền*. Riêng với Công giáo, đường lối đó thể hiện đậm nét ở hai phương diện: *Phương diện nhận thức*: coi người Công giáo là người yêu nước, là lực lượng của Cách mạng, là công dân Việt Nam; *Phương diện pháp lí*: tôn trọng “nhu cầu tôn giáo” chính đáng của người Công giáo.

2.2. *Người Công giáo đấu tranh cho quốc gia độc lập để Giáo hội Công giáo ở Việt Nam thuộc quyền cai quản của người Việt Nam.*

Trong cuốn *Thập giá và lưỡi gươm*, Linh mục Trần Tam Tĩnh có nói tới một thứ “chủ nghĩa phong kiến trong đạo Công giáo”. Tình trạng này kéo dài suốt mấy trăm năm. Do đó, trong tâm thức người Công giáo Việt Nam, nỗi khát khao được thuộc về một Giáo hội “trưởng thành” do người Việt Nam dẫn dắt để trở thành *Giáo hội Việt Nam* là một mong mỏi có thật.

Nhưng có một sự thật lịch sử hiển nhiên và phổ biến là nếu công cuộc truyền giáo tại những vùng đất mới thường đi đôi và gắn liền với việc xâm lược các vùng đất này; xứ truyền giáo thường cũng có nghĩa là xứ thuộc địa, thì người Công giáo bản xứ trước sau cũng hướng về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân. Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được giáo dân và giáo sĩ Việt Nam ủng hộ và đón mừng nồng nhiệt như một sự kiện có liên quan tới chính vận mệnh tôn giáo của mình: *Tổ quốc có độc lập, thì tôn giáo mới tự do*.

Trước đây mọi quan hệ giữa Giáo hội Việt Nam và Tòa Thánh Roma đều thông qua những người đứng đầu Giáo hội là các thừa sai Châu Âu: “Cần ghi nhận rằng, hồi 1930 sĩ số các thừa sai chỉ là 20% trong hàng giáo sĩ tại Việt Nam nhưng họ chiếm giữ toàn bộ các chức vụ quan trọng như: giám mục, tổng quản, hạt trưởng, giám đốc chủng viện, bề trên hội đồng... Trong hầu hết các địa phận, linh mục người Việt không được ngồi cùng bàn với ông cố Tây”⁽¹⁶⁾.

Một trong những vấn đề lớn của việc

15. Do bị lợi dụng, bị tuyên truyền sai lệch, và trình độ dân trí lúc đó thấp.

16. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 1988, tr. 52.

truyền giáo tại Việt Nam, đó là làm sao cung cấp cho Giáo hội Việt Nam những giám mục người bản xứ. Hội Thừa sai Paris khi được thành lập đã đề ra cho mình mục đích "duy nhất" là đào tạo những giám mục, linh mục, giám đốc chủng viện... người bản xứ phục vụ cho công việc truyền giáo ở các xứ truyền giáo. Điều khoản thứ nhất trong bộ luật của Hội viết vào năm 1700 nói rõ: "Mục đích của Hội là thúc đẩy lương dân trở lại, không chỉ bằng cách loan báo tin mừng nhất là chuẩn bị cho họ bằng mọi cách tốt đẹp và đưa tên hàng giáo sĩ những người bổn đạo mới hay con cái của họ được coi là có khả năng để lập trong mỗi nước, mỗi hàng giáo sĩ và hàng giáo phẩm như Chúa Giêsu và các tông đồ thiết lập trong Giáo hội". Bộ Truyền bá đức tin trong thời kỳ này cũng đòi hỏi: "Tại các xứ truyền giáo phải có những giám mục thực thụ, bản xứ, bình đẳng với các giám mục đại diện Tông toà"⁽¹⁷⁾. Sau này trong một thông điệp gửi các giáo phận, Giáo hoàng Pio XII cũng nhấn mạnh tới việc cần thiết phải đào tạo và sử dụng các linh mục, giám mục người bản xứ. Giáo hoàng Pio XII cho rằng, nếu không thiết lập được đội ngũ "giáo sĩ bản quốc" sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự "vững chãi" của Giáo hội⁽¹⁸⁾.

Lí tưởng nguyên tắc là vậy nhưng trên thực tế không được áp dụng ở Việt Nam. Người Công giáo Việt Nam bị đánh giá là không có khả năng, không có những hiểu biết cần thiết hay những đức tính cần phải có để giữ vai trò lãnh đạo trong Giáo hội. Theo quan niệm của các cố Tây, người An Nam dốt, không học hành được chỉ dạy cho những điều tối thiểu để có thể làm được lễ là đủ. Có lẽ dòng Thừa sai

không muốn đào tạo các giáo sĩ Việt Nam thành người có trình độ ngang bằng với họ và muốn vĩnh viễn nắm lấy Giáo hội Việt Nam.

Dưới sự chèn ép của các cố Tây, giáo sĩ, giáo dân Việt Nam đấu tranh không ngừng để giành Giáo hội Việt Nam cho người Việt Nam. Từ kiện cáo, bãi khoá sang đụng độ có khi đi đến đổ máu như trường hợp linh mục Việt Nam Nguyễn Trường Lưu đã giết chết linh mục ngoại quốc Grandmaire ở Bến Tre năm 1925. Sau đó linh mục này bị dày đi tù chung thân ở Côn Đảo⁽¹⁹⁾. Phản ánh tình trạng lệ thuộc, tạp chí của các phái đoàn truyền giáo ở Mỹ đầu những năm 30 thế kỉ XX viết: "Nếu như mọi sự kiện xảy ra ở Đông Dương đều xấu, cái đó chính vì ở Đông Dương chưa có đủ 12 vị giám mục bản xứ và vì các giám mục người Pháp không muốn rút khỏi đây"⁽²⁰⁾. Nguyễn Hữu Bài, một thầy giảng và là thượng thư Bộ công trong triều đình Huế, năm 1922 đã không tham khảo ý kiến của các thừa sai gửi

17. *Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, UBĐKCGYN Việt Nam xuất bản, tập I, II, 1986, tr. 63.

18. *Thông điệp Sứ giả Phúc âm của Giáo hoàng Pio XII gửi các Đức Thầy, các Tổng Giám mục, Giám mục về việc khuyến khích các địa phận truyền giáo ngày 2/6/1951*. Thông điệp này được dịch và xuất bản tại Bùi Chu, ngày 26/9/1951. Ở trang 21 và 22 có ghi "... Nếu ai trong các Đức Thầy phải săn sóc cho có nhiều giáo sĩ bản quốc, thì các Đức Thầy phải cố gắng điu dắt và huấn luyện kĩ lưỡng cho họ... Ta xin hỏi các Đức Thầy, nếu không dự bị sẵn hàng giáo sĩ bản quốc, để phân phối khắp lãnh thổ, và để cho họ đáp lại những nhu cầu của giáo dân, thì các Đức Thầy thấy Giáo hội ở các xứ ấy sẽ bị nguy khốn đến chừng nào".

19. Sau Cách mạng tháng Tám, ông được giải thoát và tiếp tục hoạt động trong phong trào Công giáo kháng chiến ở Trà Vinh. Xem báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27 tháng 8 năm 1985.

20. Jeaou Raoul Clémentin. *Nội dung chính trị của những nhà Thiên Chúa Giáo ở Việt Nam*, trong cuốn *Truyền thống và cách mạng ở Việt Nam*, tài liệu dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội.

kiến nghị trực tiếp tới Giáo hoàng Piô XI với ba đề nghị cụ thể: 1. Bình đẳng về phẩm trật của Giáo hội Việt Nam; 2. Chương trình đào tạo thần học của các linh mục An Nam và Châu Âu phải ngang nhau; 3. Các linh mục bản xứ cần được quyền tham gia bầu chọn giám mục địa phận mình⁽²¹⁾.

Năm 1930, Linh mục Nguyễn Văn Huấn ở Giáo xứ Kẻ Non có vẽ một bức tranh về bữa cơm trong nhà chung: Các ông cố Tây ngồi cao gặm đùi gà, còn các linh mục người Việt mũi tẹt, da vàng, gầy còm, tóc má ngồi ăn cà chấm muối. Bức tranh vẽ xong, Linh mục đề tặng gửi Giáo hoàng Pio XI, kèm theo tờ đơn xin Tòa Thánh La Mã cho người Việt Nam được làm giám mục. Đơn vừa gửi đi, Thống sứ Bắc Kỳ liền nói chuyện với Giám mục Gerdrean và ngay sau đó, Linh mục Huấn bị đem đi nhốt giam nơi rừng núi cách Hà Nội 800 km⁽²²⁾.

Trải qua nhiều đấu tranh mãi tới năm 1933, vị giám mục Việt Nam đầu tiên được phong là Nguyễn Bá Tòng. Tiếp đến năm 1936, giám mục thứ hai được bổ nhiệm làm giám mục địa phận Bùi Chu Hồ Ngọc Cẩn. Ba năm sau đến lượt Giám mục Ngô Đình Thục được bổ nhiệm làm Giám mục địa phận Vĩnh Long. Cuối năm 1945, vị giám mục thứ năm, Lê Hữu Từ, được tấn phong. Mặc dù một số quyền được trao cho người Việt nhưng nhìn chung Giáo hội Việt Nam vẫn lệ thuộc người Pháp⁽²³⁾. Trần Tam Tỉnh viết: "Thật là điều kì cục, trong một nước độc lập và trong một Giáo hội có tới 80% giáo sĩ là người bản quốc mà linh mục cũng như giáo dân cứ bị một nhóm người Phương Tây cai quản mãi"⁽²⁴⁾.

Nhưng rồi nổi ám ức trong lòng về một sự khát khao Giáo hội Việt Nam trả về cho người Việt Nam đã có cơ hội thực sự dãi bày và biểu lộ. Trong khí thế bùng bùng của những ngày Cách mạng mùa Thu năm 1945, hình như bất cứ thứ gì người ta cũng có thể làm được, hình như người Công giáo đã vượt qua cái trở ngại tâm lí của lề luật Giáo hội. Người Công giáo phát đi những âm thanh và biểu ngữ, vốn là những điều cấm kị hoặc hết sức khắt khe, tế nhị khi biểu đạt nó trước Giáo hội. Cùng với lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện khắp nơi, từ trong các chủng viện, các nhà thờ họ đạo, từ Bắc tới Nam, đâu đâu cũng vang rộn lên tiếng "ủng hộ Việt Minh".

Linh mục Trần Tam Tỉnh nhớ lại sự kiện này như sau: "Phong trào Cách mạng đánh thức người Công giáo mở mắt nhìn thấy rõ hơn những bất công trong Giáo hội... Nhờ những phong trào giải

21. Dẫn theo: Nguyễn Quang Hưng. *Người Công giáo Việt Nam trong những ngày tháng đầu sau Cách mạng*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 năm 2002, tr. 33.

22. Báo *Công giáo và Dân tộc*, số 48 năm 1976, tr. 4.

23. Sự công nhận một số giám mục Việt Nam có sự ủng hộ từ Tòa Thánh Roma nhưng bị thực dân Pháp cản trở rất nhiều. Tòa Thánh muốn dùng các thừa sai để đề cao vai trò của mình đối với Giáo hội Việt Nam và muốn Giáo hội Việt Nam cung tặn cho Tòa Thánh. Tòa Thánh đã thấy rõ việc khiếm khuyết các giám mục, linh mục bản xứ ở các nước mới giành được độc lập là mối bất lợi với Giáo hội (*Xem Thông điệp Sứ giả Phúc âm*, Sđd., tr.18-22). Thực dân Pháp sử dụng các giáo sĩ cho việc đảm bảo quyền lợi tại thuộc địa Việt Nam. Còn bản thân các Thừa sai trực thuộc Giáo hội Trung ương nhưng trước hết họ là công dân nước Pháp, vì vậy dĩ nhiên phải có quyền lợi nước Pháp trong những hành động của họ. Do đó, người Pháp chỉ muốn cho các giám mục Việt Nam nắm giữ những vị trí khiêm tốn tại giáo phận miền quê. Trong khi đó ở các giáo phận Hà Nội, Huế, Sài Gòn mãi tới năm 1955 mới được chuyển giao cho người Việt Nam.

24. Trần Tam Tỉnh. Sđd., tr. 64.

phóng đang cuộn cuộn dâng lên như sóng cồn, nhờ cha Lê Quang Oánh, một linh mục đã từng du học bên Tây, giới sinh viên trẻ chúng tôi nghĩ rằng nếu nước nhà độc lập, thì giáo phận chúng tôi sẽ có giám mục Việt Nam như Bùi Chu, Phát Diệm chẳng hạn; chủng viện chúng tôi sẽ có giám đốc, giáo sư người Việt, chưa bao giờ chúng tôi hồ hởi đến thế. Các linh mục địa phận cũng họp nhau và sau ngày 2-9 các ngài đề nghị đồng thanh yêu cầu Giám mục Ubierna Ninh người Tây Ban Nha đặt một cha chính tổng quản người Việt, đặt các linh mục quản hạt người Việt, đặt các giáo sư chủng viện người Việt”⁽²⁵⁾.

Như vậy, hoàn toàn có cơ sở và dữ liệu để nhận định được rằng, sự tham gia ủng hộ Cách mạng, ủng hộ Độc lập của đông đảo người Công giáo Việt Nam tháng Tám năm 1945, cũng chính là sự ủng hộ và sự kêu gọi cho độc lập về Giáo hội - Giáo hội Việt Nam trả cho người Việt Nam. Cũng có thể nói Cách mạng tháng Tám với người Công giáo là sự cởi bỏ ách thực dân trong đạo. Điều đó cắt nghĩa và lí giải tại sao người Công giáo lại có mặt đông đảo, với những biểu lộ tích cực ở một thời khắc quan trọng và định mệnh như trong Cách mạng tháng Tám 1945.

2. 3. Cách mạng tháng Tám năm 1945 tạo cơ sở cho sự “đồng hành Công giáo với dân tộc” theo đường hướng Kính Chúa - Yêu nước

Cách mạng tháng Tám năm 1945 với sự khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng là lúc xác lập mối quan hệ giữa nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo. Đây là một tất yếu phải đón nhận không thể chối bỏ⁽²⁶⁾.

Vấn đề được đặt ra là *đường hướng* của mối quan hệ đó được xác lập trên phương châm hành động nào để có thể *hài hoà giữa Đức tin Công giáo và lợi ích dân tộc*.

Ngược dòng lịch sử suốt thời thực dân, người Công giáo Việt Nam sống trong mặc cảm vong ngoại để phát triển. Một thời gian dài người Công giáo sống trong một mặc cảm đau khổ như vậy. Làm sao để sống thực sự cho dân tộc, chết cho Tổ quốc, mà vẫn trọn niềm tin với Thiên Chúa. Với người Công giáo mà nói, sống đạo với một mặc cảm vong quốc mà quên đi Tổ quốc là một điều phi lí, nhưng thành tâm sống chết cho dân tộc mà phải bỏ đạo thì càng khó khăn. *Họ bị kẹt giữa hai thái cực Thiên Chúa và Tổ quốc*.

Đáng tiếc sự nhìn nhận thành kiến tiêu cực một chiều của thời kì phong kiến Việt Nam thế kỉ XIX khiến cho Công giáo cũng rất khó để trở về hoà nhập với dân tộc. Thành thử người Công giáo sống đạo làm cho người ngoại đạo có cảm giác họ ở *bên lề dân tộc*.

Mặt khác, trước năm 1945 có một nghịch lí là: trong khi tín đồ Pháp được tự do thể hiện lòng yêu tổ quốc với nước

25. Theo tài liệu Hội thảo *Công giáo và Dân tộc - Hôm qua và hôm nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức ngày 27 và 28, tháng 4 năm 2006, tại Hà Nội.

26. Lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam cũng hiểu rằng, với tính cách nhất thể chế của Giáo hội Công giáo trên toàn cầu thì mối quan hệ giữa các “giáo hội địa phương” như Giáo hội Công giáo Việt Nam với Nhà nước là “đều khó khăn và phức tạp”. Tuy nhiên, trong đường hướng cổ vũ “Công giáo đồng hành cùng dân tộc” Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng tính cách và đặc điểm của Giáo hội Việt Nam, đặc biệt trong mối quan hệ với Tòa Thánh Roma, điều này thể hiện rõ trong sắc lệnh 234 của Hồ Chí Minh kí tháng Sáu năm 1955, trong đó có đặt vấn đề *không can thiệp vào mối quan hệ của Giáo hội Việt Nam và Tòa Thánh Roma*.

Pháp trong cuộc Đại chiến thế giới thứ hai, họ được Giáo hội cho phép thì các linh mục và giáo dân Việt Nam vẫn bị Giáo hội cấm đoán ngặt nghèo. Việc lựa chọn đường hướng Kính chúa-Yêu nước luôn là một sự mong mỏi lớn của các giáo dân Việt Nam.

Khi lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc, những người cộng sản Việt Nam đã *không tách người Công giáo ra khỏi cộng đồng dân tộc, trái lại còn tạo điều kiện cho họ trở về với dân tộc bằng thực tiễn cách mạng và chiến tranh giải phóng*. Sự tham gia vào thực tiễn cách mạng của người Công giáo chính là việc họ tham gia kháng chiến và tham gia vào các tổ chức cách mạng. Điều này có *sự ủng hộ, giúp đỡ từ phía những người cách mạng*. Khi tổng kết những đóng góp của người Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở Bắc Bộ những năm 1946-1954, Đảng ta nhận định: “Trong 8 năm kháng chiến, kinh nghiệm cho ta thấy rằng nhiều đồng bào Công giáo yêu nước được ta chú trọng giúp đỡ họ có một tổ chức để hoạt động thì họ đóng góp được rất nhiều thành tích vào công cuộc kháng chiến của dân tộc như Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến khu 3 và Tả ngạn”⁽²⁷⁾.

Người ta thấy rõ việc tập hợp người Công giáo tham gia kháng chiến ở trong điều lệ của Việt Minh, trong lời kêu gọi kháng chiến, và thư của cụ Hồ gửi những người Công giáo trong các dịp lễ Tết. Từ đây, họ nghe thấy nhắc nhiều đến những cụm từ không tách rời nhau như hai vế của một cặp phạm trù như: Kính chúa - Yêu nước, Thiên Chúa - Tổ quốc, Tổ quốc độc lập - Tôn giáo tự do, Đạo - Đời, v.v...

Vậy là chìa khoá cho việc sống đạo ở Việt Nam theo “cung cách Việt Nam” đã

được tìm ra. Tư tưởng kính Chúa - yêu nước được manh nha trước đây giờ trở thành đậm nét và được đông đảo quần chúng đón nhận trong sự đồng thuận và tác hợp của Nhà nước. Có thể nói, với cách mạng tháng Tám và sự ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đặt ra “mẫu số” để một bộ phận Công giáo hoà nhập với kháng chiến trong giai đoạn tiếp theo và là đường hướng để gỡ bỏ những khoảng cách của Công giáo với dân tộc. *Kính Chúa phải song hành với Yêu nước. Đó là hai khái niệm không thể tách rời*.

Tuy nhiên, lịch sử những năm 1946-1954 của thế kỉ trước không hề đơn giản và bình lặng. Xem xét Công giáo Việt Nam phải đặt trong bối cảnh chiến tranh lạnh: Cộng sản - Tư bản mà điển hình là sự đối đầu giữa hai siêu cường Xô - Mỹ. Bối cảnh như vậy cũng có tác động đến Công giáo Việt Nam. Khi ấy, không phải người Công giáo Việt Nam nào cũng vượt qua những trở ngại tâm lí của Giáo hội để cân bằng và trọn vẹn được giữa hai khái niệm Thiên Chúa và Tổ quốc - mà được hiểu cụ thể lúc đó là kính Chúa và yêu nước. Có một giáo sư triết học người Công giáo đã nhớ lại: “Là người Công giáo, tâm trạng tôi bị giằng co giữa hai ý thức mâu thuẫn: ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc... Tôi cố gắng tìm hiểu biến cố lịch sử nào đã để ra trong tôi mâu thuẫn tôn giáo và dân tộc... Điều tôi biết cũng là điều nhiều người cũng đã biết là vào những năm 1950 - 1951, người Pháp đã khôn khéo đánh lừa người Công giáo để họ tin rằng nước Pháp trở lại Việt Nam sau Thế

27. *Thông tri số 01 năm 1955 của Ban Bí thư Đảng Lao động Việt Nam*, tài liệu lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.

chiến thứ hai là để bảo vệ đức tin cho người Công giáo. Trước hai lựa chọn, đạo giáo và dân tộc... Nhiều người Công giáo không quên dân tộc, nhưng vì bị giằng co giữa hai lựa chọn, nên sau cùng đành sống “bên dòng lịch sử”, thậm chí sống ngược dòng lịch sử⁽²⁸⁾.

Ở Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954, đường hướng *Kính Chúa - Yêu nước* được Hồ Chí Minh “kiến thiết” và tạo dựng bằng chính những hành động cụ thể của Người⁽²⁹⁾.

Như vậy, với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đường hướng hành động của người Công giáo Việt Nam trên con đường đồng hành cùng dân tộc trong cuộc chiến tranh giành độc lập chính thức được hình thành và xác lập. Đó là Kính Chúa phải gắn liền với Yêu nước. *Đây là một sự giải toả mạnh mẽ và căn bản trong một ý thức bị kìm nén quá lâu của người Công giáo khi luôn bị mắc kẹt giữa Thiên Chúa và Tổ quốc.*

3. Vài nhận xét

Mang mặc cảm về một quá khứ lịch sử, người Công giáo Việt Nam luôn mong mỗi có một *cơ hội* để bày tỏ quan điểm thái độ cũng như chính kiến của mình với dân tộc. Và Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã cho họ một cơ hội thực sự để dãi bày. Đây là một dịp hiếm có để thể hiện chính kiến với quần chúng ngoại đạo về ước mong “đồng hành cùng dân tộc”.

Có thể nói Cách mạng Tháng Tám trước tiên mang ý nghĩa *cởi bỏ* “tâm lí mặc cảm⁽³⁰⁾ của người Công giáo Việt Nam trong một sự bế tắc kìm nén quá lâu được biểu đạt hơn bất kì hoạt động nào của người Công giáo Việt Nam lúc đó.

Một tác động lớn của Cách mạng tháng Tám đối với người Công giáo Việt Nam là đã tạo ra một sự *chuyển biến mạnh mẽ từ tư tưởng thành những sinh hoạt sâu rộng ở phương diện xã hội* trên cả nước.

Cách mạng tháng Tám còn là *biểu tượng* đẹp của Công giáo Việt Nam trong sự phấn khởi yêu nước và đồng hành cùng dân tộc. Với người Công giáo Việt Nam mà nói, thời điểm ấy chỉ có một dòng đó là *dòng Công giáo dân tộc*, người Công giáo Việt Nam chưa soi xét và đặt vấn đề ý thức hệ tư tưởng và cục diện chiến tranh tác động gì cả.

Từ thành công của Cách mạng tháng Tám, người Công giáo Việt Nam có *quyền nói về dân tộc* và *được bàn về dân tộc* - những điều mà trước đây họ kín kẽ hoặc ít công khai với Giáo hội. Những hình ảnh tươi đẹp của người Công giáo ủng hộ Cách mạng, tham gia Cách mạng của những ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cơ sở quan trọng để người Việt Nam Công giáo dần thân tiếp trong những giai đoạn thử thách tiếp sau. Chính hoạt động yêu nước của người Công giáo đã từng là *một giá trị được tôn tại và được thừa nhận*. Những hoạt động ủng hộ cách mạng của người Việt Nam Công giáo, đều có ý nghĩa tích cực với phong trào cách mạng Việt Nam⁽³¹⁾.

28. Tạp chí *Đúng Đây*, số 71, xuất bản tại Miền Nam, năm 1975, tr. 30.

29. Xem: Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 150, 6/2007, tr. 113-137.

30. Đây chỉ là cách diễn tả, tất nhiên người Công giáo còn có cả “tâm lí tự tôn” vì thấy mình là người được Chúa chọn.

31. Xem thêm bài của Ngô Quốc Đông trên tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 188, 08/2007, tr. 6-10.